

A. MỤC TÊU CHỦ ĐỀ**I. Về năng lực:****1. Năng lực đặc thù**

- Nhận biết được chất trữ tình, cái tôi của tác giả, ngôn ngữ của tùy bút, tản văn và hiểu được chủ đề, thông điệp của văn bản.
- Nhận biết được sự phong phú, đa dạng của ngôn ngữ các vùng miền.
- Viết được văn bản tường trình rõ ràng, đầy đủ, đúng quy cách.
- Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống; biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt.

2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ (Nhận biết tình cảm, cảm xúc của bản thân và hiểu được ảnh hưởng của tình cảm, cảm xúc đến hành vi).
- Năng lực giao tiếp (Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp; nhận biết được ngữ cảnh giao tiếp và đặc điểm, thái độ của đối tượng giao tiếp).

II. Phẩm chất

Yêu nước, nhân ái, trách nhiệm. (Biết yêu mến, trân trọng vẻ đẹp phong phú, đa dạng của các vùng miền)

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.
- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.
- Máy chiếu, máy tính
- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.
- Phiếu học tập.
- Tranh, video liên quan đến nội dung văn bản truyện.
- Phiếu học tập.

C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC THEO CHỦ ĐỀ:**Hoạt động 1: Giới thiệu bài học và tri thức Ngữ văn:****a) Mục tiêu:** Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.
- Khám phá tri thức Ngữ văn.

b) Nội dung:

Trò chơi: Nhìn tranh đoán tên vùng miền



c) Sản phẩm: HS nêu/trình bày được

- Bức tranh 1: Con đường gốm sứ của Hà Nội
- Bức tranh 2: Cầu Tràng Tiền, sông Hương xứ Huế
- Bức tranh 3: Cầu Vàng Đà Nẵng
- Bức tranh 4: Thành Phố Hồ Chí Minh

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV tổ chức trò chơi: Nhìn tranh đoán tên vùng miền

- Yêu cầu HS đọc phần Giới thiệu bài học ngữ văn trong SGK.
- GV chiếu yêu cầu cần đạt lên màn hình, gọi HS đọc và nhấn mạnh những nội dung HS cần ghi nhớ.

- Yêu cầu HS đọc phần tri thức ngữ văn/SGK

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS: HS quan sát 4 bức tranh, trả lời câu hỏi của GV.

- Đọc phần Giới thiệu bài học, Tri thức Ngữ văn.
- Nghe, ghi nhớ các yêu cầu cần đạt.

GV:

- Quan sát và lắng nghe.

B3: Báo cáo thảo luận

- Trả lời câu hỏi của GV.
- HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét (câu trả lời của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động đọc

Giáo viên dẫn:

“Việt Nam đất nước ta ơi
Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn
Cánh cò bay lả rập rờn
Mây mờ che đỉnh Trường Sơn sớm chiều”

(*Việt Nam quê hương ta* – Nguyễn Đình Thi)

Mỗi vùng miền cỏ thể được ví như một mảnh ghép làm nên bức tranh muôn màu. Mỗi mảnh ghép ấy có những vẻ đẹp riêng.

Trong bài học này, những trang tùy bút, tản văn... sẽ mang đến cho em những cảm nhận thú vị về sắc màu cuộc sống trên quê hương xứ sở và trên thế giới rộng lớn, bao la. Chúng ta hãy cùng nhau tìm hiểu qua chủ đề 5: **Sắc màu cuộc sống**.

- Viết tên chủ đề, nêu mục tiêu chung của chủ đề và chuyển dẫn tri thức ngữ văn.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

PHẦN 1: ĐỌC VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Văn bản (1)

THÁNG GIÊNG MƠ VỀ TRĂNG NON RÉT NGỌT

(Trích, Vũ Bằng)

(2 tiết)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC:

1. Năng lực:

- HS nhận biết được chất trữ tình, cái tôi tác giả, ngôn ngữ của tùy bút.
- + Bài tùy bút thể hiện dòng cảm xúc của một người con xa quê hồi nhớ mùa xuân của Hà Nội thân yêu. Cái tôi tác giả được thể hiện thông qua các yếu tố như hoàn cảnh sáng tác, những rung động tâm hồn, cách cảm, cách nhìn về khung cảnh mùa xuân.
- + Lời văn của bài tùy bút giàu hình ảnh, sử dụng nhiều biện pháp tu từ, từ ngữ biểu cảm.
- HS nhận biết được chủ đề, thông điệp của VB: Bài tùy bút biểu lộ tình yêu, sự gắn bó tha thiết với quê hương, gia đình của tác giả. Qua những rung động tinh tế của một tâm hồn nhạy cảm, sức sống con người và hương sắc đất trời Hà Nội - miền Bắc vào tháng Giêng hiện lên như một sự khởi đầu cho dòng hồi tưởng (với mỗi tháng là một khung cảnh, câu chuyện), “sống lại” với quá khứ đầy thương nhớ.

2. Phẩm chất:

Thêm yêu quý cảnh sắc, con người của quê hương, đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

1. Giáo viên

- Máy tính, máy chiếu
- Giáo án; ppt;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Học sinh:

- SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.
- Hoàn thành các câu hỏi, phiếu học tập cô giáo giao.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động (5 phút)

- Mục tiêu:** Định hướng học sinh vào nội dung bài học.
- Nội dung:** HS trao đổi nhóm về nội dung được nêu trong SHS:
- Sản phẩm:** câu trả lời của học sinh
- Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>1. Những bài hát, tranh, ảnh về mùa xuân;</p> <p>2. Điều em thích nhất ở mùa xuân.</p> <p>GV có thể cho HS xem một đoạn phim ngắn, tranh, ảnh, nghe một bài hát,... về mùa xuân. GV có thể giới thiệu sơ lược những tín hiệu thẩm mỹ trong bức tranh Chợ hoa đào ở SHS, trang 108 (không khí của Hà Nội khi xuân về, trang phục của phụ nữ,...).</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>HS thực hiện cá nhân, huy động kiến thức từ hoạt động ở tiết học trước.</p> <p>Bước 3. Thảo luận, báo cáo</p> <p>HS trả lời</p> <p>Bước 4. Kết luận, nhận định</p> <p>GV dẫn vào bài mới, HS tiếp nhận thông tin bài học.</p> <p><i>Mùa xuân về làm khơi dậy sức sống trong lòng mỗi người, làm bùng dậy lòng yêu đời, khát khao mãnh liệt về sự sống và tình yêu thương. Vậy trong tâm tưởng của nhà văn Vũ Bằng- người con xa quê thì mùa xuân quê hương mang những nét đẹp nào? Chúng ta cùng tìm hiểu bài học ngày hôm nay. ...</i></p>	<p>1. Những bài hát, tranh, ảnh về mùa xuân: học sinh có thể sưu tầm tên bài hát, tranh ảnh...;</p> <p>2. Điều em thích nhất ở mùa xuân: thời tiết, không khí, chợ xuân, ngày Tết...</p>

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (khoảng 30 phút)

a) Mục tiêu

Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu tác giả, tác phẩm

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu mã thể loại

Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu nội dung văn bản

Nhiệm vụ 4: Tổng kết

b) Nội dung

Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu tác giả, tác phẩm

HS nêu được những nét chính về nhà văn Vũ Bằng và văn bản “Tháng Giêng mơ về trăng non rét ngọt” trích tác phẩm “*Thương nhớ Mười Hai*”.

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu mã thể loại

Yêu cầu HS chỉ ra được đề tài, phương thức biểu đạt, tính chất trữ tình và ngôn ngữ của bài tùy bút

Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu nội dung văn bản

- **Nội dung 1:** Tìm hiểu không gian đặc trưng của mùa xuân Hà Nội và không gian gia đình (vào đầu tháng Giêng và sau rằm tháng Giêng)
- **Nội dung 2:** Tìm hiểu sức sống của thiên nhiên và con người trước mùa xuân.
- **Nội dung 3:** Tìm hiểu dấu ấn cá nhân của tác giả và sự tác động của lời văn tới người đọc

Nhiệm vụ 4: Tổng kết

Phiếu học tập số 1:

Không gian thiên nhiên và không gian gia đình trước mùa xuân	
Câu hỏi	Câu trả lời
- Tìm chi tiết miêu tả không gian đặc trưng của mùa xuân Hà Nội (vào đầu tháng Giêng và sau rằm tháng Giêng)	
- Tìm được những chi tiết miêu tả không gian gia đình.	
- Nhận xét về không gian mùa xuân của thiên nhiên và không gian gia đình.	

Phiếu học tập số 2:

Sức sống của thiên nhiên, con người trước mùa xuân	
Câu hỏi	Câu trả lời
- Tìm những chi tiết miêu tả sức sống của thiên nhiên trước mùa xuân.	
- Tìm những chi tiết miêu tả sức sống của con người trước mùa xuân.	
- Nhận xét về sức sống của thiên nhiên và con người trước mùa xuân.	

Phiếu học tập số 3:

Dấu ấn cá nhân của tác giả và sự tác động tới người đọc	
Câu hỏi	Câu trả lời
Tác giả đã triển khai bài tùy bút theo mạch chủ đề về mùa xuân bắt đầu từ “ai cũng chuộng mùa xuân” như thế nào?	
Trong đoạn trích, khi nói về mùa xuân, tác giả dùng các cụm từ như <i>mùa xuân của tôi, mùa xuân thân thánh của tôi, mùa xuân của Hà Nội thân yêu</i> . Cách viết này cho em hiểu điều gì về cuộc sống và tình cảm riêng của người viết?	
Chọn một câu văn cho thấy lời văn của bài tùy bút như lời trò chuyện tâm tình. Theo em, đặc điểm đó của lời văn có tác động như thế nào đến cảm nhận của người đọc?	

c) Sản phẩm:

- **Nội dung 1:** HS chỉ ra được đề tài, phương thức biểu đạt, tính chất trữ tình và ngôn ngữ của bài tùy bút

- **Nội dung 2:**

Phiếu học tập số 1:

Câu hỏi	Câu trả lời
- Tìm chi tiết miêu tả không gian đặc trưng của mùa xuân Hà Nội (vào đầu tháng Giêng và sau rằm tháng Giêng)	<p>- Không gian Hà Nội vào mùa xuân khoảng đầu tháng Giêng: <i>mưa riêu riêu; gió lạnh lạnh; tiếng nhạn kêu trong đêm xanh; tiếng trống chèo vọng lại từ những thôn xóm xa xa; câu hát huê tình, đất trời mang mang; đường sá không còn lầy lội nữa; cái rét ngọt ngào, chớ không còn tê buốt cắn cắn nữa;...</i></p> <p>- Không gian Hà Nội vào mùa xuân khoảng sau rằm tháng Giêng: <i>đào hơi phai nhưng nhụy vẫn còn phong, cỏ không mướt xanh như cuối đông, đầu Giêng, nhưng trái lại lại nức một mùi hương man mác; mưa xuân bắt đầu thay thế cho mưa phùn, không còn làm cho nền trời đùng đục như màu pha lê mờ; bầu trời đã có những vệt xanh tươi; đã có hoa thiên lí, vài con ong siêng năng đã bay đi kiếm nhị hoa; nền trời trong có những làn sáng hồng;... Đặc biệt, khung cảnh đêm trăng tháng Giêng trong cái rét ngọt đầu năm được miêu tả giàu sức gợi: <i>đêm xanh biêng biếc, có mưa dầy, nhìn rõ từng cánh sếu bay, trời vẫn rét một cách tình tứ nên thơ, có những đêm không mưa, trời sáng lung linh như ngọc.</i></i></p>
- Tìm được những chi tiết miêu tả	<i>nhang trầm, đèn nến, bầu không khí gia đình đoàn tụ êm đềm, trên kính dưới nhường, bàn thờ Phật, bàn thờ Thánh, bàn thờ</i>

không gian gia đình.	<i>Tổ tiên, bữa cơm giản dị có cà om với thịt thăn điểm những lá tía tô thái nhỏ hay bát canh trứng cua vắt chanh...</i>
- Nhận xét về không gian mùa xuân của thiên nhiên và không gian gia đình.	- Không gian mùa xuân: đẹp, thanh bình, mang những nét đặc trưng của miền Bắc. - Không gian gia đình ấm cúng, sum vầy, chuyển dịch về với sinh hoạt đời thường êm đềm sau tết

Phiếu học tập số 2:

Câu hỏi	Câu trả lời
- Tìm những chi tiết miêu tả sức sống của thiên nhiên trước mùa xuân.	- Sức sống của thiên nhiên: <i>rạo rức nhựa sống trong cánh mai, gốc đào. chồi mận ở ngoài vườn; đồi núi chuyển mình, sông hồ rung động; sông xanh, núi tím; máu cũng căng lên trong lộc của loài nai; mầm non của cây cối, nằm im mãi không chịu được, phải trỗi ra thành những cái lá nhỏ;...</i>
- Tìm những chi tiết miêu tả sức sống của con người trước mùa xuân.	- Sức sống của con người: <i>nghe như lòng mình say sưa một cái gì đó - có lẽ là sự sống; nhựa sống ở trong người căng lên; tìm người ta dường như cũng trẻ hơn ra, đập mạnh hơn; “sống” lại và thêm khát yêu thương, thấy ai cũng muốn yêu thương; trong lòng như có không biết bao nhiêu là hoa mới nở, bướm ra ràng mở hội liên hoan; cảm thấy rạo rức một niềm vui sáng sủa;...</i>
Nêu nhận xét: - Tác động của mùa xuân tới thiên nhiên, con người - Cách tác giả diễn tả cảm giác của lòng mình khi mùa xuân đến.	- Mùa xuân gọi sức sống mãnh liệt cho thiên nhiên và gọi niềm yêu cuộc sống, hướng con người đến những giá trị tinh thần tốt đẹp, truyền thống. - Tác giả diễn tả những cảm giác vô hình, khó nắm bắt bằng những hình ảnh cụ thể, giàu sức gợi; bằng những so sánh dễ hình dung; bằng cách nói mới lạ, thú vị,...

- Nội dung 3:

Phiếu học tập số 3:

Câu hỏi	Câu trả lời
Tác giả đã triển khai bài tùy bút theo mạch chủ đề về mùa xuân bắt đầu từ “ai cũng chuộng mùa xuân” như thế nào?	- Đầu tiên, tác giả khẳng định: “ai cũng chuộng mùa xuân” - Từ chủ đề này, tác giả đi tìm kiếm “lí lẽ” và “dẫn chứng” để chứng minh lời khẳng định trên.

Trong đoạn trích, khi nói về mùa xuân, tác giả dùng các cụm từ như <i>mùa xuân của tôi, mùa xuân thân thánh của tôi, mùa xuân của Hà Nội thân yêu</i> . Cách viết này cho em hiểu điều gì về cuộc sống và tình cảm riêng của người viết?	<p>- Cuộc sống: tác giả xa quê hương mùa xuân quê hương rất ý nghĩa với riêng người viết (đem đến những đổi thay kì diệu);</p> <p>- Cách viết “mùa xuân của Hà Nội thân yêu” cho thấy sự gắn bó sâu nặng và nỗi nhớ, tình yêu của tác giả - người con xa quê - với quê nhà.</p>
Chọn một câu văn cho thấy lời văn của bài tùy bút như lời trò chuyện tâm tình. Theo em, đặc điểm đó của lời văn có tác động như thế nào đến cảm nhận của người đọc?	<p>Ví dụ: Với các câu văn: <i>ơi ơi người em gái xoã tóc bên cửa sổ!; Ấy đấy, cái mùa xuân thân thánh của tôi nó làm cho người ta muốn phát điên lên như thế đấy; Đẹp quá đi, mùa xuân ơi - mùa xuân của Hà Nội thân yêu, của Bắc Việt thương mến...</i></p> <p>HS có thể có những cách cảm nhận khác nhau.</p>

d) Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu tác giả, tác phẩm</p> <p>a) Mục tiêu: Giúp HS nêu được những nét chính về nhà văn Vũ Bằng và văn bản “Tháng Giêng mơ về trăng non rét ngọt” trích tác phẩm “<i>Thương nhớ Mười Hai</i>”.</p> <p>b) Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS thực hiện dự án tìm hiểu về tác giả, văn bản. - HS đọc, quan sát SGK và tìm thông tin để trả lời câu hỏi của GV. <p>c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS</p> <p>d) Tổ chức thực hiện</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ cho HS như mục Nội dung.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Các HS khác thực hiện nhiệm vụ. GV điều hành phân trình bày.</p> <p>Bước 3: Báo cáo và thảo luận: HS trình bày theo nhóm.</p> <p>Bước 4: Kết luận: GV chốt kiến thức trên máy chiếu</p>	<p>I. Tìm hiểu chung</p> <p>1. Tác giả: Vũ Bằng (1913-1984) sinh ra ở Hà Nội, có sở trường về truyện ngắn, tùy bút, bút kí.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tùy bút Vũ Bằng giàu chất trữ tình và chất thơ. - Một số tác phẩm tiêu biểu của ông: Miếng ngon Hà Nội (1960), Món lạ miền Nam (1969), Thương nhớ Mười Hai (1972),... <p>2. Tác phẩm <i>Thương nhớ Mười Hai</i> được viết trong thời gian Vũ Bằng sống ở miền Nam, xa cách quê hương miền Bắc... <i>Thương nhớ Mười Hai</i> có 13 bài tùy bút, gộp 12 bài viết về các tháng trong năm và 1 bài về Tết. Bài <i>Tháng Giêng, mơ</i></p>

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu mã thể loại:**a) Mục tiêu**

HS bước đầu chỉ ra được đề tài, phương thức biểu đạt, tính chất trữ tình và ngôn ngữ của bài tùy bút

b) Nội dung

(b1) Chuẩn bị để trình bày về bài làm của mình trước lớp.

(b2) Lắng nghe phần trình bày của các bạn khác, ghi lại những nội dung bạn có kết quả khác với em và tìm nguyên nhân dẫn đến sự khác nhau đó.

c) Sản phẩm: HS ghi lại được những nội dung mà các bạn khác có kết quả khác với mình, đưa ra nhận định kết quả nào đúng và giải thích tại sao. Ví dụ:

- Phương thức biểu đạt chính là biểu cảm. Tuy nhiên, một số bạn khác lại xác định đó là nghị luận, tự sự... Cho biết vì sao em chọn biểu cảm (hay nghị luận, tự sự...)

d) Tổ chức thực hiện

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ cho HS như mục **Nội dung**.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Một số HS trình bày về bài làm của mình khi được GV chỉ định. Các HS khác thực hiện nhiệm vụ (b2). GV điều hành phần trình bày, đặt thêm câu hỏi để làm rõ sự giống và khác nhau trong mỗi bài.

Bước 3: Báo cáo và thảo luận: GV nhận xét sơ lược về sự giống nhau và khác nhau trong bài làm của cả lớp; có thể chọn một vài HS báo cáo/ giải thích kết quả bài làm (dựa vào những gì các em đã nộp để chọn HS theo ý đồ); yêu cầu HS thảo luận các nội dung sau đây:

Làm thế nào để các em có thể nhận biết được PTBD chính của văn bản ?

Hết tiết 1**Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu nội dung văn bản:**

Nội dung 1: Không gian mùa xuân và không gian gia đình trước mùa xuân

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Tìm được những chi tiết miêu tả không gian đặc trưng của mùa xuân Hà Nội (vào đầu tháng Giêng và sau rằm

về trăng non rét ngọt là bài đầu tiên của tập tùy bút.

II. Tìm hiểu văn bản:**1. Mã thể loại:**

- Đề tài: cảnh sắc thiên nhiên mùa xuân

- Phương thức biểu đạt: biểu cảm

- Tính chất trữ tình: mạch cảm xúc được khơi dậy từ những ấn tượng về không gian Hà Nội - miền Bắc trong nỗi hoài nhớ của tác giả.

- Ngôn ngữ: giàu hình ảnh, chất thơ, biểu hiện ở những hình ảnh giàu sức gợi.

2. Không gian thiên nhiên và không gian gia đình trước mùa xuân:

tháng Giêng) và chi tiết miêu tả không gian gia đình.

b) Nội dung:

- GV Tổ chức cho HS HĐ nhóm.
- HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ.
- HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

c) Sản phẩm: Phiếu học tập của HS đã hoàn thành, câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

- Tổ chức cho HS HĐ nhóm, hoàn thành phiếu học tập số 1 (5 phút)
- Phát phiếu

B2: Thực hiện nhiệm vụ

(phiếu bài tập số 1).

- Làm việc cá nhân 2 phút, ghi kết quả ra phiếu cá nhân.
- Thảo luận nhóm 3 phút và ghi kết quả ra phiếu học tập chung.

GV hướng dẫn HS thảo luận (nếu cần).

B3: Báo cáo, thảo luận

GV:

- Yêu cầu đại diện các nhóm trình bày.
- Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).

HS:

- Trình bày sản phẩm.
- Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bạn.
- GV có thể đặt thêm những câu hỏi phụ (chia nhỏ các ý) để HS lần lượt khám phá không gian Hà Nội - miền Bắc vào mùa xuân (Ví dụ: Em hình dung “mưa riêu riêu” là mưa như thế nào? Em cảm nhận “gió lạnh lạnh” khác gió lạnh như thế nào? Thử tưởng tượng “tiếng nhạn kêu trong đêm xanh”. Em đã bao giờ nghe tiếng trống chèo?...).
- GV có thể nêu những câu hỏi phụ, gợi ý HS tìm từ ngữ diễn tả một cách tinh tế bước chuyển đổi của thiên nhiên (Ví dụ: *Nhà văn cảm nhận sự thay đổi của thiên nhiên qua những đối tượng nào? Em có nhận xét gì về những từ ngữ như “hơi phai”, “mùi hương man mác”, “vết xanh tươi”, “làn sáng hồng”,...? Em hình dung thế nào về “đêm xanh biêng biếc”? Tại sao trong đêm vẫn thấy được từng cánh sếu bay?...).*
- GV đặt câu hỏi phụ để gợi ý HS cảm nhận không gian

gia đình (Ví dụ: Khi mùa xuân đến, bầu không khí gia đình được miêu tả như thế nào? Cuộc sống êm đềm thường nhật được thể hiện qua những nét sinh hoạt nào của gia đình?...).

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm.
- Chốt kiến thức & chuyển dẫn nội dung tiếp theo

GV : Qua việc hỏi tường về những điều có thực trong không gian Hà Nội vào mùa xuân mà mình đã từng trải nghiệm, tác giả đã bộc lộ những cảm nhận tinh tế, tình cảm gắn bó, mến yêu tha thiết với quê hương, gia đình. Đây cũng chính là một trong những nét đặc trưng của thể loại tùy bút.

Nội dung 2: Tìm được những chi tiết miêu tả sức sống của thiên nhiên và con người được khơi dậy trước mùa xuân.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ cho HS như mục **Nội dung (phiếu bài tập số 2)**.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Một số HS trình bày về bài làm của mình khi được GV chỉ định. Các HS khác thực hiện nhiệm vụ. GV điều hành phần trình bày, đặt thêm câu hỏi để làm rõ sự giống và khác nhau trong mỗi bài.

Bước 3: Báo cáo và thảo luận: GV nhận xét sơ lược về sự giống nhau và khác nhau trong bài làm của cả lớp; có thể chọn một vài HS báo cáo/ giải thích kết quả bài làm (dựa vào những gì các em đã nộp để chọn HS theo ý đồ); yêu cầu HS thảo luận các nội dung sau đây:

GV có thể đưa ra những câu hỏi có tính chất gợi mở như: *Cảm giác của con người có dễ nhận biết không? Làm thế nào để cho người khác cảm thấy được những cảm giác đó của mình?... Sau khi HS đưa những nhận xét về cách tác giả diễn tả cảm giác, GV hướng HS kết nối VB đọc với tri thức ngữ văn, chỉ ra ngôn ngữ bài tùy bút này rất giàu hình ảnh, chất thơ, biểu hiện ở những hình ảnh giàu sức gợi. Hình ảnh được sử dụng trong tùy bút chủ yếu là để diễn tả nội dung cảm xúc.*

Nhận xét:

- Không gian mùa xuân: đẹp, thanh bình, mang những nét đặc trưng của miền Bắc.

- Không gian gia đình ấm cúng, sum vầy, chuyển dịch về với sinh hoạt đời thường êm đềm sau tết

3. Sức sống của thiên nhiên, con người trước mùa xuân:

GV khơi gợi để HS chú ý hai cách diễn tả thế giới tâm hồn của nhà văn: cách diễn tả cảm giác bằng hình ảnh và cách diễn tả trực tiếp tình cảm (qua các cách diễn đạt bằng từ ngữ thể hiện tình cảm như “tôi yêu”, “muốn yêu thương”, “thèm khát yêu thương”). Việc diễn tả thế giới tâm hồn, cảm xúc tạo nên đặc trưng trữ tình của tùy bút.

Bước 4: Kết luận và nhận định:

Giáo viên chốt sau khi lắng nghe ý kiến thảo luận của HS.

Nội dung 3: Dấu ấn cá nhân của tác giả và sự tác động tới người đọc:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ cho HS như mục **Nội dung (phiếu bài tập số 3)**.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Một số HS trình bày về bài làm của mình khi được GV chỉ định. Các HS khác thực hiện nhiệm vụ. GV điều hành phần trình bày, đặt thêm câu hỏi để làm rõ sự giống và khác nhau trong mỗi bài.

Bước 3: Báo cáo và thảo luận: GV nhận xét sơ lược về sự giống nhau và khác nhau trong bài làm của cả lớp; có thể chọn một vài HS báo cáo/ giải thích kết quả bài làm (dựa vào những gì các em đã nộp để chọn HS theo ý đồ); yêu cầu HS thảo luận các nội dung sau đây:

- Những câu văn nào giống như lời nói thường, như là nhà văn đang chuyện trò với ai đó?

- Mùa xuân gợi sức sống mãnh liệt cho thiên nhiên và gợi niềm yêu cuộc sống, hướng con người đến những giá trị tinh thần tốt đẹp, truyền thống.

- Tác giả diễn tả những cảm giác vô hình, khó nắm bắt bằng những hình ảnh cụ thể, giàu sức gợi; bằng những so sánh dễ hình dung; bằng cách nói mới lạ, thú vị,...

4. Dấu ấn cá nhân của tác giả và sự tác động tới người đọc:

- Những câu có chứa lời hô gọi làm cho người đọc có ấn tượng như thế nào?
- Khoảng cách người viết và người đọc sẽ thế nào khi tác giả viết những câu như vậy?...

Bước 4: Kết luận và nhận định:

- Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của hs.

Nhiệm vụ 3: Tổng kết

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- ? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản?
- ? Nội dung chính của văn bản ?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS:

- Suy nghĩ cá nhân 2' và ghi ra giấy.

GV hướng theo dõi, quan sát HS, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).

Bước 3: Báo cáo và thảo luận:

HS cáo kết quả, HS khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho bạn.

GV:

- Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo

Bước 4: Kết luận và nhận định:

- Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của hs.

- Hình bóng cái tôi tác giả được thể hiện khá rõ trong bài tùy bút này.

- Từ đó khơi gợi tình cảm, sự gần gũi, đồng cảm của người đọc

III. Tổng kết văn bản:

1. Nghệ thuật

Lời văn giàu hình ảnh, cảm xúc

Sử dụng biện pháp tu từ so sánh, nhân hoá...

2. Nội dung

- Tình yêu quê hương da diết của tác giả

- Tâm hồn tinh tế nhạy cảm của một cây bút tài hoa

- Truyền cho người đọc tình yêu đối với thiên nhiên, mùa xuân, gia đình, quê hương, đất nước.

Hoạt động 3: Luyện tập

a. **Mục tiêu:** HS có được những hiểu biết cơ bản về tác phẩm

b) **Nội dung:** HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi

GV nêu yêu cầu: Viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu) nêu cảm nhận về cảnh sắc và không khí mùa xuân ở quê hương em.

c) **Sản phẩm:** vở ghi của HS

d) **Tổ chức thực hiện:**

- **HS** làm bài tập. **GV** theo dõi, gợi ý và hỗ trợ, giải đáp thắc mắc nếu có.

- **GV** yêu cầu một số **HS** trình bày sản phẩm, các HS góp ý, bổ sung.

GV nhận xét và kết luận:

+ GV nhận xét về cách diễn đạt, hành văn, nội dung trình bày trong đoạn văn

+ GV kết luận nội dung như mục **Sản phẩm**

+ GV nhấn mạnh vào thông điệp và ý nghĩa của tác phẩm.

Hoạt động vận dụng (thực hiện ở nhà)

a. **Mục tiêu:** HS biết vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết nhiệm vụ thực tiễn theo yêu cầu của GV

b. **Nội dung:** *Nhiệm vụ về nhà:*

Sưu tầm những câu thơ, bài văn viết về mùa xuân(khuyến khích làm thành video hoặc bộ sưu tập hình ảnh về mùa xuân)

c. **Sản phẩm:** Bài làm của HS

d. **Tổ chức thực hiện:**

GV giao nhiệm vụ cho HS như mục **Nội dung** và yêu cầu HS nghiêm túc thực hiện. HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

Tiết 3: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Dấu câu và biện pháp tu từ

1. Trước giờ học

GV hướng dẫn học sinh chuẩn bị

-Xem lại kiến thức dấu câu và các biện pháp tu từ đã học

2. Trên lớp

2.1 Hoạt động 1: Xác định vấn đề/ mở đầu

a. **Mục tiêu:** thu hút sự chú ý, tạo hứng thú học tập, kết nối với văn bản đọc hiểu và kiến thức tiếng Việt lớp 6

b. **Nội dung:** Học sinh thảo luận, trả lời câu hỏi

c. **Tổ chức thực hiện**

Hoạt động của Gv	Hoạt động của học sinh và sản phẩm cần đạt
<p>? Hs ôn lại công dụng của dấu gạch ngang?</p> <p>2.2 Hoạt động 2: Luyện tập</p> <p>-Chuyên giao nhiệm vụ</p> <p>? học sinh nêu yêu cầu của bài tập 1/sgk /110</p> <p>-Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc cá nhân</p> <p>-Báo cáo kết quả</p>	<p>I. Ôn tập lí thuyết</p> <p>1. Công dụng của dấu gạch ngang</p> <p>-Dấu gạch ngang được dùng trong các đầu mục liệt kê, cụm liên danh, đánh dấu phần chú thích, đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật.</p> <p>2. Các biện pháp tu từ</p> <p>a. So sánh</p> <p>b. Nhân hoá</p> <p>c. Điệp ngữ</p> <p>II. Luyện tập</p> <p>1. Bài tập 1/sgk/110</p> <p>- Dấu gạch ngang đánh dấu phần chú thích cho nội dung trước đó</p> <p>-Nêu không có cụm từ được tách ra bởi dấu gạch ngang thì nội dung của các câu văn sẽ không được rõ ràng.</p>

<p>-Chuyên giao nhiệm vụ ? Học sinh nêu yêu cầu của bài tập 2/sgk/110 -Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc theo nhóm cặp -Báo cáo kết quả</p>	<p>2. Bài tập 2/sgk/111 -Cặp so sánh: đôi mày ai được so sánh với trăng mới in ngần chỉ sự thanh tân,tươi trẻ,dịu dàng. -trời sáng lung linh- so sánh với ngọc chỉ vẻ đẹp trong sáng thanh khiết,có sắc màu ảo diệu. *Chính sự tương đồng này đã tạo ra hiệu quả thẩm mỹ cho câu văn.Đồng thời cho thấy tài năng sáng tạo của tác giả qua việc tạo ra những liên tưởng bất ngờ</p>
<p>-Chuyên giao nhiệm vụ ? Học sinh nêu yêu cầu của bài tập 2/sgk/111 -Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc theo nhóm bàn -Báo cáo kết quả</p>	<p>3. Bài 3/sgk/111 - Biện pháp tu từ nhân hoá + đôi mùa giao tiễn nhau +đôi núi chuyển mình +Sông hồ rung động +vài con ong siêng năng ->tác dụng thể hiện những rung động của nhà văn lan toả vào cảnh vật,thiên nhiên phóng chiếu nội tâm con người.</p>
<p>-Chuyên giao nhiệm vụ ? Học sinh nêu yêu cầu của bài tập 2/sgk/111 -Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc theo nhóm bàn -Báo cáo kết quả</p>	<p>4. Bài 4/sgk/111 - Biện pháp tu từ điệp ngữ +ai cấm được +đừng thương ->Tác dụng nhấn mạnh cảm xúc của tác giả và tạo nhịp điệu cho câu văn.</p>

**Tiết 4,5: Văn bản 2:
CHUYỆN CƠM HÈN
Hoàng Phủ Ngọc Tường
(2 tiết)**

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC:

1. Năng lực:

- HS nhận biết được chất trữ tình, cái tôi tác giả, ngôn ngữ của VB: Tính trữ tình thể hiện ở tình yêu của tác giả đối với món ăn dân dã của quê hương, lòng tự hào về truyền thống văn hoá của quê hương.
- HS nhận biết được chủ đề, thông điệp của VB: Bài tản văn chọn một món ăn bình dân của Huế như là điểm tựa để bàn về văn hoá và việc giữ gìn bản sắc văn

hoá

trong cộng đồng cư dân. Đây là nét đẹp riêng của văn hoá Huế, của người Huế.

2. Phẩm chất:

Thêm yêu quý cảnh sắc, con người của quê hương, đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

1. Giáo viên

- Máy tính, máy chiếu
- Giáo án; ppt;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Học sinh:

- SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

- Hoàn thành các câu hỏi, phiếu học tập cô giáo giao.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: Khởi động (5 phút)

a. Mục tiêu: Định hướng học sinh vào nội dung bài học.

b. Nội dung: HS trao đổi nhóm về nội dung được nêu trong SHS:

c) Sản phẩm: *câu trả lời của học sinh*

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>- HS trao đổi nhóm về từng nội dung được nêu trong SHS:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hiểu biết về những nét riêng trong phong cách ẩm thực ở những nơi mà mình biết; 2. Nói về một món ăn đặc sản ở quê mình. <p>- GV có thể cho HS xem một đoạn phim ngắn hoặc một đoạn vi-lốc giới thiệu món ăn, cách chế biến món ăn mang đậm nét văn hoá địa phương (hiện nay trên in-tơ-nét, những vi-lốc dạng này rất được yêu thích). Từ đó, GV gợi ý HS kể tên, giới thiệu món ăn đặc sản quê mình.</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>HS thực hiện cá nhân, huy động kiến thức từ hoạt động ở tiết học trước.</p> <p>Bước 3. Thảo luận, báo cáo</p> <p>HS trả lời</p> <p>Bước 4. Kết luận, nhận định</p> <p>GV dẫn vào bài mới, HS tiếp nhận thông tin bài</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Hiểu biết về những nét riêng trong phong cách ẩm thực ở những nơi mà mình biết; 2. Nói về một món ăn đặc sản ở quê mình.

học.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (khoảng 30 phút)**Hoạt động: Hình thành kiến thức mới****I. Giới thiệu tác giả, văn bản.****1. Tác giả:**

a, Mục tiêu: Giúp học sinh nêu được những nét chính về tác giả Hoàng Phủ Ngọc Tường và văn bản “ Chuyện cơm hến ”

b, Nội dung:

- Giáo viên hướng dẫn học sinh đọc văn bản và đặt câu hỏi
- Học sinh đọc, quan sát sách giáo khoa và tìm thông tin để trả lời câu hỏi của giáo viên

c, Sản phẩm: là câu trả lời của học sinh.

d, Tổ chức thực hiện

Hoạt động của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
<p>B1: Chuyển giao nhiệm vụ (giáo viên): Yêu cầu học sinh đọc sách giáo khoa và trả lời câu hỏi ?. Những hiểu biết của em về tác giả Hoàng Phủ Ngọc Tường B2: Thực hiện nhiệm vụ GV hướng dẫn học sinh đọc và tìm thông tin HS quan sát sách giáo khoa B3: Báo cáo thảo luận - GV yêu cầu HS trả lời - HS trả lời câu hỏi của GV</p> <p>B4: Kết luận nhận định (GV) Nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức lên màn hình</p>	 <p>- Hoàng Phủ Ngọc Tường sinh năm 1937 quê Quảng Trị, sống và làm việc nhiều năm ở Huế - Sáng tác của ông toát lên cảm hứng ngợi ca vẻ đẹp của đất nước, con người trên khắp mọi miền tổ quốc đặc biệt là Huế - Một số tác phẩm chính: Ai đã đặt tên cho dòng sông, Huế- Di tích và con người,...</p>

2. Văn bản

a, Mục tiêu: Giúp HS:

Biết được những nét chung của văn bản (thể loại, phương thức biểu đạt,...)

b, Nội dung:

- GV sử dụng kỹ thuật đặt câu hỏi, thảo luận nhóm bàn
- HS suy nghĩ cá nhân để trả lời, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ

c, Sản phẩm: Câu trả lời và phiếu học tập đã hoàn thành của HS

d, Tổ chức thực hiện:

Phiếu học tập số 1:

- Văn bản “Chuyện cơm hến” thuộc thể loại gì?
- Dựa vào đâu mà em nhận ra điều đó?
- Phương thức biểu đạt?
- Bố cục?

Hoạt động của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Hướng dẫn cách đọc và yêu cầu HS đọc - Chia nhóm lớp, giao nhiệm vụ bằng phiếu học tập	a, Đọc và tìm hiểu chú thích - HS đọc theo hướng dẫn b, Tìm hiểu văn bản - Văn bản thuộc thể loại tản văn vì nó có lối viết tạt ngang tạt dọc (giống như đang nói chuyện phiếm). Trong văn bản nói về món cơm hến trong cuộc sống đời thường của người Huế từ đó nhà văn liên tưởng đến nhiều chuyện khác qua đó bộc lộ những suy nghĩ, cảm xúc của cá nhân mình - Phương thức biểu đạt: Thuyết minh, biểu cảm - Bố cục 2 phần: Phần 1: Nét riêng trong khẩu vị của người Huế Phần 2: Đặc điểm của cơm hến và ý nghĩa của nó

II. Tìm hiểu văn bản

1. Nét riêng trong khẩu vị của người Huế

a, Mục tiêu: Giúp HS:

Tìm được những chi tiết nói về những nét riêng trong khẩu vị của người Huế

b, Nội dung: GV sử dụng phương pháp thảo luận nhóm

HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ

HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn.

c, Sản phẩm: Phiếu học tập của HS đã hình thành câu trả lời của HS.

d, Tổ chức thực hiện:

Phiếu học tập số 2:

- Tìm những chi tiết thể hiện đặc điểm khẩu vị của người Huế
- Tác giả là người vùng nào? Chi tiết nào cho thấy điều đó?

Hoạt động của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Tìm những chi tiết thể hiện đặc điểm khẩu vị của người Huế B2. Thực hiện nhiệm vụ - 2 phút làm việc cá nhân	

- 3 phút thảo luận cặp đôi và hoàn thành phiếu học tập

B3. Báo cáo thảo luận

GV yêu cầu học sinh trình bày

B4. Kết luận và nhận định:

- Nhận xét về thái độ làm việc và sản phẩm của nhóm
- Chốt kiến thức trên mà hình chuyển dẫn sang mục sau

- Thích thú với 2 vị mà thiên hạ đều sợ đó là đắng và cay
- + Thích dùng mướp đắng, đắng một cách tuyệt vời
- + Thích ăn cay: cay sừng miêng, cay xè lưỡi
- Tác giả là người Huế vì thích ăn cay

Phiếu học tập số 3:

- Nguyên liệu làm cơm hến
- Món cơm hến cho thấy đặc điểm gì trong phong cách ăn uống của người Huế
- Chuyện cơm hến có phải chỉ đơn giản là văn bản giới thiệu món ăn không? Tác giả bàn tới những điều gì xung quanh món cơm hến
- Theo em tại sao tác giả lại cho rằng (một món ăn đặc sản cũng giống như một di tích văn hóa)
- Hình ảnh chị bán hàng cùng gánh cơm hến và bếp lửa gợi cho em suy nghĩ gì?

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

Phát phiếu học tập số 3

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn HS tìm chi tiết trong văn bản
- HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập

B3: Báo cáo thảo luận

GV yêu cầu HS trả lời

HS: đại diện nhóm trình bày

Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn

- Nguyên liệu: ruột hén, cơm nguội, miến măng khô,....
- Nguyên liệu, gia vị rẻ, dễ kiếm, mang tính chất bình dân phù hợp với túi tiền của tất cả mọi người
- Cách thưởng thức món cơm hén của người Huế:
 - + Tiêu biểu cho phong cách “ăn cay dễ sợ”, “cay chảy nước mắt” của người Huế
 - + Người Huế đã nâng một món ăn bình dân làm thành nghệ

<p>B4: Kết luận nhận định</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét về thái độ làm việc và sản phẩm của nhóm - Chốt kiến thức trên màn hình chuyển dẫn sang nhiệm vụ sau 	<p>thuật ẩm thực Huế</p> <ul style="list-style-type: none"> + Lẩu điếm tựa là một món ăn của người bình dân bài tản văn bàn về phong tục tập quán và sự giữ gìn văn hóa truyền thống, sự gắn bó với quê hương - Truyện không chỉ giới thiệu một món ăn hay là cung cấp thông tin về công thức chế biến món ăn. Món cơm hến là cái đề bàn nhiều chuyện khác: + Phong cách ẩm thực của người Huế + Tục lệ + Sự thêm cơm hến của tác giả - Di tích văn hóa ghi dấu ấn lịch sử của một thời vì thế để giữ gìn truyền thống văn hóa cần bảo tồn nguyên trạng những nét xưa. Món ăn cũng vậy: Bảo tồn được nét xưa sẽ bảo tồn được truyền thống pha tạp sẽ mất đi hồn cốt như thay bún bằng cơm nguội sẽ mất đi hương vị đặc trưng của cơm hến - Dáng cao gầy mỏng manh, chiếc áo dài đen cũ kĩ <p>=> Hình ảnh nghèo nhưng không lam lũ, khổ sở mà vẫn có cái tươi tắn, dù là người lao động nhưng vẫn giữ cốt cách của cố đô. Bán hàng để mưu sinh nhưng không đặt lợi nhuận lên hàng đầu. Chị và gánh hàng của chị trở thành một nét văn hóa đặc trưng của Huế</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình ảnh bếp lửa là hình ảnh vừa thực vừa mang tính tượng trưng. Nó tượng trưng
<p>B1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>Tìm những từ ngữ cho thấy lời văn của bài tản văn giống như lời tác giả đang trò chuyện với bạn đọc? Em cảm nhận như thế nào về cái tôi của tác giả trong truyện?</p>	

<p>B2: Thực hiện nhiệm vụ GV sử dụng phương pháp thảo luận cặp đôi HS làm việc cá nhân, làm việc cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ HS trình bày theo dõi nhận xét và bổ sung B3: báo cáo GV yêu cầu HS trả lời Các cặp trình bày, nhận xét B4: Kết luận, nhận định</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Ngôn ngữ có tính khẩu ngữ - Sử dụng nhiều từ ngữ địa phương - Cái tôi của tác giả khiến bài tản văn khác với các thể loại văn xuôi khác: Nhà văn là người nhạy cảm cảm nhận được những nét đẹp đời thường thể hiện ở việc ông nhận ra vẻ đẹp ẩn trong gánh cơm hến và người bán cơm hến
---	---

III. Tổng kết

<p>B1: Chuyển giao nhiệm vụ Nêu cách sử dụng từ ngữ trong văn bản Nội dung chính của văn bản B2: Thực hiện nhiệm vụ HS suy nghĩ cá nhân 2 phút và ghi ra giấy GV hướng dẫn theo dõi, quan sát HS (nếu HS gặp khó khăn) B3: Báo cáo và thảo luận HS báo cáo kết quả, HS khác theo dõi và nhận xét, bổ sung cho bạn GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo B4: Kết luận và nhận định Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS</p>	<p>1. Nghệ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngôn ngữ có tính chất khẩu ngữ đôi khi hài hước, sử dụng nhiều từ ngữ địa phương - Sử dụng hình ảnh mang ý nghĩa tượng trưng <p>2. Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tâm hồn tinh tế nhạy cảm của một cây bút tài hoa - Truyền cho người đọc tình yêu, lòng tự hào về nền văn hóa ẩm thực Huế.
---	--

Hoạt động luyện tập

a. Mục tiêu: HS có được những hiểu biết cơ bản về tác phẩm

- b) Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi
GV nêu yêu cầu: Viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu) về một nét sinh hoạt thể hiện vẻ đẹp của con người và truyền thống văn hóa nơi em đang sống?
- c) Sản phẩm: vở ghi của HS
- d) Tổ chức thực hiện:
- HS làm bài tập. GV theo dõi, gợi ý và hỗ trợ, giải đáp thắc mắc nếu có.
 - GV yêu cầu một số HS trình bày sản phẩm, các HS góp ý, bổ sung.
- GV nhận xét và kết luận:
- + GV nhận xét về cách diễn đạt, hành văn, nội dung trình bày trong đoạn văn
 - + GV kết luận nội dung như mục Sản phẩm
 - + GV nhấn mạnh vào thông điệp và ý nghĩa của tác phẩm.
- Hoạt động vận dụng (thực hiện ở nhà)
- a. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết nhiệm vụ thực tiễn theo yêu cầu của GV
- b. Nội dung: Nhiệm vụ về nhà:
Sưu tầm những câu tục ngữ, ca dao nói về những sản vật của quê hương Hà Nam
- c. Sản phẩm: Bài làm của HS
- d. Tổ chức thực hiện:
GV giao nhiệm vụ cho HS như mục Nội dung và yêu cầu HS nghiêm túc thực hiện.
HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

TIẾT 6: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: TỪ NGỮ ĐỊA PHƯƠNG

1. TRƯỚC GIỜ HỌC

GV hướng dẫn học sinh chuẩn bị

- Xem lại kiến thức về từ ngữ địa phương đã được học ở lớp dưới
- Đọc tri thức ngữ văn

2. TRÊN LỚP

2.1 Hoạt động 1: Xác định vấn đề/mở đầu

- a. Mục tiêu: Thu hút sự chú ý, tạo hứng thú học tập, kết nối với văn bản đọc và kiến thức tiếng Việt đã học.
- b. Nội dung: Hs thảo luận và trả lời câu hỏi để xác định vấn đề của bài học
- c. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh và sản phẩm cần đạt.
<p>* Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu hs trả lời theo cá nhân</p> <p>-Đã bao giờ việc sử dụng từ ngữ địa phương làm em gặp khó khăn chưa? Hãy thuật lại trường hợp đó?</p> <p>-Theo em việc sử dụng từ ngữ địa phương có cần thiết không?</p>	<p>-Sản phẩm</p> <p>+ Câu chuyện của học sinh</p> <p>+Rất cần thiết, nó làm cho cách diễn đạt phong phú hơn phù hợp với văn hoá vùng miền.</p>

<p>* Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ làm việc cá nhân</p> <p>* Báo cáo nhiệm vụ</p> <p>GV kết nối với bài học</p>	
---	--

2.2 Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới.

- a. Mục tiêu: HS nhận biết được, phân tích được đặc điểm của từ ngữ địa phương và thực tế sử dụng từ ngữ địa phương hiện nay.
- b. Nội dung :HS đọc SGK, thảo luận nhóm suy nghĩ trả lời câu hỏi để nhận biết từ ngữ địa phương và việc sử dụng từ ngữ địa phương.
- c. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của hs và sản phẩm cần đạt
<p>+ Chuyển giao nhiệm vụ :GV yêu cầu hs đọc phần tiếng Việt trong tri thức ngữ văn? Đọc nội dung phần thẻ màu vàng thảo luận cặp đôi và trả lời câu hỏi</p> <p>- Thẻ nào là từ ngữ địa phương</p> <p>- Sử dụng từ ngữ địa phương có tác dụng gì?</p> <p>- Các từ ngữ địa phương có đặc điểm gì ?</p> <p>- Cần lưu ý những gì khi sử dụng từ ngữ địa phương ?</p> <p>+ Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>HS làm việc cá nhân</p> <p>+ Báo cáo kết quả</p>	<p>1. Nhận biết từ ngữ địa phương</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời - Sản phẩm <p>+ Khác với từ ngữ toàn dân, từ ngữ địa phương thường chỉ được dùng ở một vùng, miền nhất định.</p> <p>+ Từ ngữ địa phương thể hiện tính đa dạng trong ngôn ngữ cộng đồng.</p> <p>+ sử dụng từ ngữ địa phương không gây khó hiểu cho người đọc người nghe và không làm mất đi sự trong sáng của tiếng Việt.</p>

2.3: Hoạt động 3: Luyện tập

- a. Mục tiêu: Hs hình thành được nguyên tắc ứng xử thích hợp với việc sử dụng từ địa phương trong nói viết và trong giao tiếp xã hội.
- b. Nội dung HS làm bài tập SGK
- c. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của Gv	Hoạt động của HS và sản phẩm cần đạt	
<p>- Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>Gv Yêu cầu hs thực hiện bài tập 1(nhóm cặp)</p> <p>- Thực hiện nhiệm vụ: Hs suy nghĩ trao đổi và thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- Báo cáo sản phẩm.</p>	<p>1. Bài tập 1/sgk/116</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm: Từ ngữ địa phương: thẩu, vìm, trọc, o - Vì tìm được những từ toàn dân tương đương. <p>2. Bài tập 2/sgk/116</p> <p>- Sản phẩm</p>	
<p>- Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>Gv Yêu cầu hs thực hiện bài tập 2(nhóm bàn)</p> <p>- Thực hiện nhiệm vụ: Hs suy nghĩ trao đổi và thực hiện nhiệm vụ</p>	<p>Từ ngữ địa phương</p> <ul style="list-style-type: none"> - lạt - Duồng - xắt 	<p>Từ ngữ toàn dân</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhạt - Đưa xuống - thá - lạc

<p>- Báo cáo sản phẩm.</p> <p>-Chuyển giao nhiệm vụ Gv Yêu cầu hs thực hiện bài tập 3(cá nhân) -Thực hiện nhiệm vụ: Hs suy nghĩ và thực hiện nhiệm vụ - Báo cáo sản phẩm.</p> <p>-Chuyển giao nhiệm vụ Gv Yêu cầu hs thực hiện bài tập 4(nhóm bàn) -Thực hiện nhiệm vụ: Hs suy nghĩ trao đổi và thực hiện nhiệm vụ - Báo cáo sản phẩm.</p>	<p>-đậu phụng -vị tinh -Thầu</p> <p>3.Bài tập 3/sgk/116 -Sản phẩm:Tác giả sử dụng từ ngữ địa phương nhằm khắc hoạ không khí,sắc thái riêng của người Huế góp phần tạo ấn tượng sâu đậm về Huế và văn hoá Huế.</p> <p>4.Bài tập 4/sgk/116</p>	<p>-bột ngọt - dụng cụ đựng đồ ăn có miệng to</p> <p>Từ ngữ địa phương -khổ qua -Heo -u -đậu phộng -tía</p> <p>Từ ngữ toàn dân -mướp đắng -lợn -mẹ -lạc -bố</p>
---	--	---

2.4 Củng cố kiến thức

a.Mục tiêu: củng cố kiến thức trong bài học

b. Nội dung :Viết đoạn văn 5-7 câu chủ đề tự chọn có sử dụng từ ngữ địa phương .

c Tổ chức thực hiện

Tiết 7: Văn bản (3)

HỘI LÒNG TÔNG

(Trần Quốc Vượng - Lê Văn Hảo - Dương Tất Từ)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC:

1. Năng lực:

- HS nhận ra được văn bản thông tin về đề tài lễ hội
- Nhận biết được nét đặc sắc văn hoá của lễ hội Lòng Tông - một lễ hội xuống đồng ở Việt Bắc
- Biết lựa chọn, phân tích các chi tiết tiêu biểu để khái quát đặc điểm của lễ hội
- Nêu được ấn tượng chung về vẻ đẹp văn hoá vùng miền trong văn bản
- Hiểu được cách miêu tả tinh tế, sinh động của tác giả.

2. Phẩm chất

- Bồi đắp cho HS những xúc cảm thẩm mĩ trước những nét đẹp truyền thống của từng vùng miền

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập, Rubric.
- Các hình ảnh, video liên quan (nếu có).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

b. Nội dung: HS nghe nhạc, xem đoạn phim, chia sẻ cá nhân để giải quyết một tình huống có liên quan đến bài học mới.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: (PP vấn đáp, quan sát, lắng nghe)

GV tiến hành cho HS xem video về lễ hội Lồng tồng

GV khích lệ HS:

- Chia sẻ những ấn tượng, cảm xúc những hình ảnh trong lễ hội
- Kể thêm về lễ hội mà em biết hoặc từng tham gia

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- HS lắng nghe, xem, suy nghĩ.

Bước 3: Báo cáo kết quả

- HS chia sẻ cá nhân.

Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1: Khám phá chung văn bản

a. Mục tiêu: Tìm hiểu chung về tác giả và văn bản “*Hội Lồng Tồng*”.

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng kỹ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về tác giả và tác phẩm như: đề tài, thể loại, phương thức biểu đạt, bố cục...

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân trình bày được một số nét cơ bản về văn bản.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
I. Khám phá chung văn bản	
NV1: Tìm hiểu về tác giả, Văn bản Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Qua tìm hiểu ở nhà, nêu những hiểu biết của em về tác giả) Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - HS dựa vào thông tin SGK và thu thập thông tin đã chuẩn bị ở nhà để trả lời. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trả lời nhanh. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục 2.	1. Tìm hiểu chung về văn bản : a. Tác giả: - Trần Quốc Vượng - Lê Văn Hảo - Dương Tất từ 2. Văn bản: * Thể loại: Văn bản thông tin - *Phương thức biểu đạt chính: Thuyết minh
NV2: Tìm hiểu về chú thích và bố cục văn bản: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:	- * Đọc và tìm hiểu chú thích - Giải thích các từ: Lồng tồng, Việt Bắc, ném còn, hát lượn.....

***GV yêu cầu HS Giải thích một số từ khó trong SGK**

***GV hướng dẫn cách đọc văn bản:** Đọc to, rõ ràng; chú ý đọc đúng lời các bài hát(lượn) Tìm bố cục , đề tài của văn bản?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

1. HS đọc văn bản, các em khác theo dõi, quan sát và nhận xét;
2. HS suy nghĩ để trả lời các câu hỏi của GV.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau: Khám phá chi tiết văn bản

- Đọc văn bản :

***- Bố cục:**

- P1: Từ đầu đến “*múa sư tử và lượn Lồng tồng*”;Giới thiệu khái quát về hội Lồng Tồng
- P2: Từ “*Trò chơi ném còn...*” đến “*...cuộc vui tiếp tục*”;Giới thiệu về trò chơi ném còn
- P3: Từ “*Múa sư tử.*” đến “*đo tài với đối phương*”: Giới thiệu về trò múa sư tử
- P4: Còn lại: Giới thiệu về hoạt động hát lượn

*** Đề tài**

- Văm hoá truyền thống vùng miền

Hoạt động 2.2: Khám phá chi tiết văn bản

a. Mục tiêu:

- Nhận biết, lựa chọn, phân tích các chi tiết tiêu biểu miêu tả lễ hội truyền thống Hội Lồng Tồng

b. Nội dung: GV sử dụng PP thảo luận nhóm, KT đặt câu hỏi, HS làm việc các nhân, nhóm để tìm hiểu Ý nghĩa. đặc điểm của lễ hội

PHIẾU HỌC TẬP 01:

NHIỆM VỤ CỦA CÁC NHÓM:

Nhóm	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3
Nhiệm vụ			
1) Lễ hội tổ chức vào thời gian nào? , địa điểm tổ chức, vùng miền tổ chức			
2) Phần cúng tế - lễ			
3) Phần vui chơi- hội			

PHIẾU HỌC TẬP 02:

NHIỆM VỤ CỦA CÁC NHÓM:

Nhóm	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3
Nhiệm vụ	TRò chơi ném còn	Trò chơi múa sư tử	Hoạt động hát- lượn
Các trò chơi, hoạt động diễn ra như thế nào			
2) Những hoạt			

d. Tổ chức thực hiện:

Trang 27

Nùng**Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Trình bày ý nghĩa của việcmowr lễ hội?
- Sản vật cúng lễ có liên quan gì tới tục xuống đồng và tục thờ thành hoàng?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.

Làm việc cá nhân, kĩ thuật viết tích cực

Bước 3: Báo cáo**Bước 4: Đánh giá, kết luận:**

- GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS.
- Chuẩn kiến thức & chuyển dẫn sang mục 2;

Thao tác 3: Tìm hiểu các hoạt động của lễ hội**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**

GV chia lớp thành 03 nhóm, HS thảo luận, hoàn thành vào **Phiếu HT số 02:**

1/ Các trò chơi, hoạt động diễn ra như thế nào
2) Những hoạt động đó thể hiện những khả năng nào của con người

3/ Người dân gửi gắm mong ước gì khi tổ chức lễ hội ?

- Thời gian làm việc nhóm: 05 phút.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS làm việc theo nhóm theo dõi văn bản và thực hiện yêu cầu.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- GV gọi HS trả lời. HS khác nhận xét bổ sung (nếu cần)

Bước 4: Đánh giá, kết luận (GV):

- GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

?Lượn, tiếng nói tình yêu, tiếng lòng của ngày hội xuân, lành mạnh, trong sáng, đầy sức sống, vang vọng sôi nổi mà êm đềm dưới trời Việt Bắc.

Em cảm nhận như thế nào về thái độ đánh giá của người viết qua câu văn trên?

- Trong câu văn “Lượn, tiếng nói tình yêu, tiếng lòng của ngày hội xuân, lành mạnh, trong sáng, đầy sức sống, vang vọng sôi nổi mà êm đềm dưới trời Việt Bắc” người viết đã thể hiện thái độ tôn trọng, trân trọng đối với nét văn hóa của vùng Việt Bắc, của đồng bào Tày –

- Sản vật cúng tế trong hội lồng tồng có liên quan tới tục mở hội xuống đồng và tục thờ thành hoàng – thần nông là:

+ Lồng tồng tiếng Tày – Nùng có nghĩa là xuống đồng.

+ Thần thành hoàng làng của đồng bào Tày – Nùng là Thần Nông.

+ Đình thành hoàng thờ những nhân vật ngày xưa đã có công khai phá ruộng nương, xây dựng và bảo vệ bản mường.

=> Do đó các vật phẩm cúng tế sẽ là các sản phẩm được sản xuất từ hoạt động sản xuất nông nghiệp như: thịt gà, thịt lợn, các loại bánh, các loại rượu...

2. Những hoạt động của cư dân trong phần hội Lồng Tồng

- Những hoạt động nào cư dân trong phần hội miêu tả trong phần hội là: thi ném còn, thi múa sư tử, lượn lồng tồng...

- Những hoạt động đó biểu thị con

Nùng. Đồng thời, tác giả cũng cho rằng đây là nét văn hóa đáng quý, là bản sắc của người dân cần được giữ gìn và phát huy.

người có phẩm chất và khả năng: sáng tạo, đoàn kết để trở thành một cộng đồng vững mạnh.

- Thông qua tổ chức lễ hội lồng tồng người dân gửi gắm mong ước sẽ có mùa màng bội thu, dân làng được bình an, may mắn, tốt lành.

Hoạt động 2.3: Hướng dẫn HS tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
III. Tổng kết	
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV sử dụng kĩ thuật viết 01 phút để yêu cầu HS hoạt động cá nhân, tóm tắt những đặc sắc về nghệ thuật và nội dung, ý nghĩa của văn bản. <p>? Em rút ra bài học nào khi đọc hiểu tác phẩm là tiểu thuyết ?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 01 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày các nội dung tổng kết. HS khác bổ sung. <p>Bước 4: Đánh giá, kết luận (GV):</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, đánh giá, biểu dương, chuẩn kiến thức bài học. 	<p>1. Nghệ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng phương pháp thuyết minh, cung cấp tti thức khách quan. - Ngôn ngữ kể chuyện sinh động, cách miêu tả chân thực dễ hiểu <p>2. Nội dung – Ý nghĩa</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đã khắc hoạ ấn tượng về đẹp lễ hội truyền thống và con người Tày, Nùng vùng quê Việt Bắc vừa gần gũi, mộc mạc, hồn nhiên, vừa mạnh mẽ, sáng tạo .. - Văn bản đã bồi đắp cho mỗi chúng ta tình cảm yêu mến nét đẹp văn hoá của dân tộc Việt Nam

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố kiến thức trong bài học,

b. Nội dung: Viết đoạn văn 5- 7 câu trình bày cảm nhận của em về vẻ đẹp lễ hội Lồng Tồng của người dân tộc Tày, Nùng mà em vừa được học

c. Sản phẩm: Bài viết của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Viết đoạn văn 5- 7 câu trình bày cảm nhận của em về vẻ đẹp lễ hội Long Tồng của người dân tộc Tày, Nùng mà em vừa được học

- Kỹ thuật : viết tích cực

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 03 phút.

GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS trình bày các nội dung tổng kết. HS khác bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, kết luận (GV):

GV nhận xét, đánh giá, biểu dương, chuẩn kiến thức bài học.

- HS viết, giáo viên gọi học sinh đọc, gọi học sinh khác nhận xét

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế, kết nối chi tiết trong VB với cảm xúc, tưởng tượng của bản thân.

b. Nội dung:

? Hãy trình bày ngắn gọn một lễ hội ở quê em , hoặc ở địa phương khác mà em có dịp tham gia, hoặc em biết? Em có cảm nhận gì về lễ hội đó?

c. Sản phẩm: Bài viết của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

? Hãy trình bày ngắn gọn một lễ hội ở quê em , hoặc ở địa phương khác mà em có dịp tham gia, hoặc em biết? Em có cảm nhận gì về lễ hội đó?

GV sử dụng kỹ thuật “Viết tích cực”, kỹ thuật công não; HS làm việc cá nhân

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 01 phút.

GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS trình bày các nội dung tổng kết. HS khác bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, kết luận (GV):

GV nhận xét, đánh giá, biểu dương, chuẩn kiến thức bài học.

**PHẦN 2: VIẾT
(Tiết 8,9,10)**

1, Trước giờ học

GV hướng dẫn học sinh Hoàn thành phiếu học tập.

Văn bản tường trình được viết trong hoàn cảnh nào.....

Văn bản tường trình gồm mấy phần.....

Trình bày văn bản này cần lưu ý những gì

2. Trên lớp

2.1 Hoạt động 1: Khởi động và xác định vấn đề học tập

-Thu hút sự chú ý,tạo hứng thú học tập.kết nối hiểu biết của học sinh với những bài

học trước.

-Nội dung : Học sinh có thể kể lại ngắn gọn một tình huống trong cuộc sống của mình hay đã gặp.

2.2 Hoạt động 2 Hình thành kiến thức

-Mục tiêu giúp học sinh hình thành kiến thức kĩ năng để viết văn bản tường trình đúng thể thức.

-Nội dung: Tìm hiểu cách thức viết văn bản tường trình

-Tổ chức thực hiện.

Hoạt động của GV	Hoạt động của học sinh và sản phẩm cần đạt
1.Những lưu ý khi viết văn bản tường trình	
<p>Yêu cầu học sinh trình bày nội dung đã chuẩn bị theo phiếu học tập.</p> <p>HS làm việc cặp đôi và trả lời câu hỏi.Theo em thì trong những hoàn cảnh hay tình huống nào người ta cần sử dụng văn bản tường trình? Việc viết tường trình nhằm mục đích gì? EM đã bao giờ viết tường trình chưa?</p> <p>GV nhận xét và dẫn dắt vào bài .</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hs trình bày - Sản phẩm: Phiếu học tập có phần trả lời các câu hỏi. -Bản tường trình là loại văn bản được sử dụng khi có một sự việc gây hậu quả xấu xảy ra -Mục đích của văn bản này là để trình bày một cách rõ ràng sự việc diễn ra trong đó nêu được mức độ trách nhiệm của mình
<p>2. Phân tích bài viết tham khảo</p> <p>B1 Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>*GV yêu cầu hs làm việc theo nhóm qua phiếu học tập để phân tích bài viết tham khảo</p> <p>Dựa vào phiếu học tập GV yêu cầu HS phân tích câu hỏi trong sách giáo khoa</p> <p>-Nêu nhận xét về việc tuân thủ thể thức văn bản tường trình trong văn bản trên.</p> <p>-Vì sao bản tường trình có tên gọi và phải ghi đầy đủ thời gian,địa điểm,người viết tường trình.</p> <p>-Khi viết tường trình nội dung nào cần ghi cụ thể,chi tiết.</p> <p>* Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>* Báo cáo kết quả</p> <p>GV Qua việc phân tích bản tường trình tham khảo nêu thể thức của bản tường trình.</p> <p>GV Yêu cầu học sinh đọc thể thức của bản tường trình trong sách giáo khoa trang 120.</p>	<ul style="list-style-type: none"> -HS làm việc theo nhóm trao đổi và trình bày. -Sản phẩm phiếu học tập đã hoàn thành -HS trao đổi trình bày kết quả -Sản phẩm + Văn bản đã tuân thủ thể thức của một văn bản tường trình. + Tường trình phải có tên gọi và ghi đủ thời gian địa điểm,người viết tường trình vì đây là bằng chứng để đánh giá một vụ việc. +Diễn biến của vụ việc cần được ghi lại chi tiết. -Sản phẩm thể thức của tường trình trong SGK trang 120

3. Hoạt động 3: Hoạt động luyện tập vận dụng a. Mục tiêu: Hs viết được bản tường trình của một vụ việc xảy ra với mình hoặc được chứng kiến. b. Nội dung: HS trả lời và câu hỏi và thực hiện các bước của quy trình viết. c. Tổ chức thực hiện	
Hoạt động của GV	Hoạt động của học sinh và sản phẩm cần đạt
1. Trước khi viết	
*. Chuyển giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ cho hs: Viết bản tường trình về vi phạm nội quy của lớp học hay vi phạm nội quy của nhà trường. a. Xác định mục đích viết và người đọc -GV yêu cầu hs làm việc cá nhân xác định mục đích viết và người đọc trước khi viết tường trình xảy ra với chính mình hoặc chứng kiến. * Thực hiện nhiệm vụ : Học sinh suy nghĩ trả lời câu hỏi. * Báo cáo kết quả b. Lựa chọn nội dung để viết tường trình -GV yêu cầu HS hình dung lại sự việc đã xảy ra để ghi lại tường trình GV phỏng vấn 5 đến 7 học sinh về tên gọi của tường trình -Gv mời một số hs khác góp ý và Gv góp ý cho tên tường trình	-HS suy nghĩ trả lời -Sản phẩm: + Mục đích viết là ghi chép trung thực nội dung diễn biến của sự việc nhằm xây dựng hồ sơ tin cậy về một vụ việc nào đó. + Người đọc: Tất cả những người liên quan đến sự việc, những cơ quan cá nhân có liên quan muốn nắm bắt thông tin về vụ việc đã xảy ra. -HS suy nghĩ và thực hiện nhiệm vụ -Sản phẩm: Tên bản tường trình mà học sinh chuẩn bị viết.
2. Viết tường trình	
* Chuyển giao nhiệm vụ: GV Yêu cầu Hs làm việc cá nhân đọc sách giáo khoa và nêu một vài điểm cần lưu ý khi viết tường trình. * Thực hiện nhiệm vụ Hs suy nghĩ trả lời * Báo cáo kết quả -GV nhắc lại những yêu cầu, lưu ý khi viết tường trình. -GV yêu cầu học sinh viết tường trình.	-Học sinh đọc SGK, suy nghĩ và trình bày. -Hs viết tường trình
3. Chỉnh sửa biên bản	
Gv yêu cầu hs chỉnh sửa tường trình theo cặp (chỉnh sửa lẫn nhau) dựa trên gợi ý chỉnh sửa SGK trang 123	-Hs đọc bảng gợi ý chỉnh sửa tường trình -Hs dùng bút màu để đánh dấu và chỉnh

	sửa tường trình của mình và của bạn. -Hs trình bày kết quả chỉnh sửa tường trình.
--	--

4. củng cố kiến thức.

a. Mục tiêu: HS hiểu được tình huống nào cần làm tường trình

b.Nội dung:trình bày một bản tường trình đúng thể thức

c. Tổ chức thực hiện

PHẦN 3: NÓI VÀ NGHE

(Tiết 11,12)

Trình bày ý kiến về một vấn đề văn hoá truyền thống trong xã hội hiện đại

1.Trước khi nói

GV hướng dẫn học sinh chuẩn bị Học sinh mang bài viết đã viết về chủ đề Chúng em chung tay để bảo tồn hát trống quân ở quê hương Liêm Thuận Thanh Liêm

2.Trên lớp

2.1 Hoạt động 1 Xác định vấn đề /mở đầu

a.Mục tiêu: HS nắm được nội dung của dự án “ Chúng em chung tay để bảo tồn hát trống quân ở quê hương Liêm Thuận Thanh Liêm”

b.Nội dung: HS trình bày lại ý tưởng của dự án

c. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS và sản phẩm cần đạt
<p>- Chuyển giao nhiệm vụ:GV Yêu cầu hs trình bày mục tiêu,ý nghĩa của dự án“ Chúng em chung tay để bảo tồn hát trống quân ở quê hương Liêm Thuận Thanh Liêm”</p> <p>-GV yêu cầu các nhóm trưởng lên báo cáo tiến độ thực hiện dự án của mỗi nhóm.</p> <p>* Thực hiện nhiệm vụ HS suy nghĩ trao đổi</p> <p>* Báo cáo kết quả</p>	<p>-HS trình bày về dự án đã được thực hiện.</p>

2.2 Hoạt động 2: Hoạt động luyện tập

a. Mục tiêu: Hs thảo luận được giải pháp để bảo tồn một sinh hoạt văn hoá dân gian của địa phương.

b.Nội dung: HS trình bày thảo luận về giải pháp để bảo tồn c

c. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của Hs và sản phẩm cần đạt
1.Trước khi nói	
<p>a.Xác định mục đích nói và người nghe</p> <p>* Chuyển giao nhiệm vụ :GV mời một số hs chia sẻ việc xác định mục đích nói và nghe khi thảo luận về giải pháp để bảo tồn “ Chúng em chung tay để bảo</p>	<p>-Sản phẩm</p> <p>+ Mục đích nói: đi tìm một giải pháp tối ưu,khả thi có thể thực hiện được ngay để bảo tồn một sinh hoạt văn hoá truyền</p>

<p>tồn hát trống quân ở quê hương Liêm Thuận Thanh Liêm”</p> <p>* Thực hiện nhiệm vụ HS suy nghĩ trao đổi</p> <p>* Báo cáo kết quả</p>	<p>thông của của địa phương.</p> <p>+Người nghe:Những người có chung mỗi quan tâm và mong muốn được cùng ta thảo luận vấn đề.</p>
<p>b.Chuẩn bị nội dung nói và tập luyện</p> <p>* Chuyển giao nhiệm vụ:GV chiếu phiếu đánh giá theo tiêu chí thảo luận về giải pháp bảo tồn một sinh hoạt văn hoá truyền thống của địa phương</p> <p>-GV hướng dẫn học sinh phân tích kĩ từng tiêu chí và mức điểm của mỗi tiêu chí.</p> <p>* Thực hiện nhiệm vụ:Hs trao đổi theo nhóm để chuẩn bị trình bày.</p> <p>* Báo cáo kết quả</p>	<p>-HS phân tích phiếu đánh giá theo tiêu chí</p>
<p>2.Trình bày bài nói</p>	
<p>-GV mời đại diện các nhóm trình bày sản phẩm của dự án.</p> <p>+Nhóm 1,2,3 thảo luận về giải pháp bảo tồn một sinh hoạt văn hoá của địa phương (Nhiệm vụ giả sử em là trưởng ban văn hoá của huyện,xã em hãy trình bày giải pháp đề bảo tồn một sinh hoạt văn hoá dân gian của địa phương)</p> <p>+ Nhóm 4,5,6 thảo luận về giải pháp bảo tồn một sinh hoạt văn hoá của địa phương(Nhiệm vụ nêu em là một thành viên của ban giám hiệu nhà trường em hãy trình bày giải pháp đề bảo tồn một sinh hoạt văn hoá dân gian của địa phương)</p>	<p>-Đại diện các nhóm trình bày bài nói và thảo luận về giải pháp trước lớp.</p> <p>-HS khác lắng nghe đánh giá kết quả trình bày vào phiếu cá nhân.</p> <p>-Học sinh thống nhất đánh giá theo nhóm.</p>

PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ

TIÊU CHÍ	MỨC ĐỘ		
	Chưa đạt (0 điểm)	Đạt (1 điểm)	Tốt (2 điểm)
1.Đưa ra được thực trạng của sinh hoạt văn hoá dân gian hát trống quân tại địa phương	Chưa đưa ra được thực trạng của sinh hoạt văn hoá dân gian hát trống quân tại địa phương	Đưa ra được thực trạng của sinh hoạt văn hoá dân gian hát trống quân tại địa phương	Đưa ra được thực trạng thuyết phục

			của sinh hoạt văn hoá dân gian hát trống quân tại địa phương
2.Đề xuất được giải pháp để bảo tồn được sinh hoạt văn hoá hát trống quân	Chưa đề xuất được giải pháp để bảo tồn được sinh hoạt văn hoá hát trống quân	Đề xuất được một số giải pháp để bảo tồn được sinh hoạt văn hoá hát trống quân	Đề xuất được một số giải pháp rất hợp lí để bảo tồn được sinh hoạt văn hoá hát trống quân
3.Sử dụng yếu tố ngôn ngữ và phi ngôn ngữ hiệu quả	Sử dụng yếu tố ngôn ngữ và phi ngôn ngữ chưa phù hợp với nội dung trình bày	Sử dụng yếu tố ngôn ngữ và phi ngôn ngữ phù hợp với nội dung trình bày	Sử dụng yếu tố ngôn ngữ và phi ngôn ngữ phù hợp với nội dung trình

			bày và thuyết phục chuyên nghiệp
4.Sử dụng các phương tiện hỗ trợ(tranh ,ảnh,video...) khi trình bày.	Không sử dụng các phương tiện hỗ trợ(tranh ,ảnh,video...) khi trình bày.	Có sử dụng một vài phương tiện hỗ trợ(tranh ,ảnh,video...) khi trình bày.	Có một vài phương tiện hỗ trợ hợp lý thuyết phục khi trình bày.
5. Trao đổi với nhóm khác có hiệu quả	Không trao đổi với người nghe hoặc trao đổi chưa đúng vào nội dung thảo luận	Trao đổi với người nghe tương đối rõ về nội dung thảo luận	Trao đổi với người nghe về nội dung thảo luận một cách rõ ràng thuyết phục.
TỔNG ĐIỂM .../10 ĐIỂM			

3.Sau khi nói.

Trao đổi về bài nói theo gợi ý trang 125 SGK